

GIỚI THIỆU PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MONTESSORI

NGỌC THỊ THU HẰNG*

TÓM TẮT

Phương pháp giáo dục Montessori có lịch sử ra đời, phát triển hơn 100 năm và được nhiều quốc gia trên thế giới ứng dụng hiệu quả trong công tác giáo dục mầm non (GDMN), như: Mỹ, Ý, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc... Từ những tài liệu trong và ngoài nước cùng với những trải nghiệm của bản thân khi tham gia khóa học “Đào tạo giáo viên Montessori” tại Hàn Quốc, trong bài viết này, chúng tôi giới thiệu tổng quan về phương pháp, các góc hoạt động và giáo cụ có trong lớp học Montessori.

Từ khóa: phương pháp giáo dục Montessori, lớp học Montessori, góc hoạt động, giáo cụ, giáo viên Montessori.

ABSTRACT

Introduction to Montessori Method

The Montessori method has been developing for more than 100 years. Since the very beginning it has been applied effectively on early childhood education in many countries in the world such as the USA, Italy, Japan, Korea, China, etc. Based on domestic and foreign materials and also on the author's experiences after the course of "Montessori teacher training" in Korea, the intention is to provide an overview of the method, activity corners and teaching aids to be used in the Montessori class through the following article: "Introduction to the Montessori method".

Keywords: Montessori method, Montessori class, activity corner, teaching aids, Montessori teacher.

Bản chất của phương pháp giáo dục Montessori chính là hoạt động tự do của trẻ trong môi trường đã được chuẩn bị với sự hướng dẫn trực tiếp rất hạn chế của giáo viên [2]. Hay nói cách khác, phương pháp giáo dục Montessori ưu tiên những điều kiện tốt nhất cho trẻ. Các hoạt động giáo dục được thiết kế xuất phát từ nhu cầu, hứng thú, khả năng, trình độ và điều kiện cụ thể của từng trẻ. Đây cũng chính là những biểu hiện của quan điểm lấy trẻ làm trung tâm mà các chuyên gia giáo dục Việt Nam đã xác định khi xây

dựng chương trình GDMN 2009. Trong bài viết này, chúng tôi giới thiệu cái nhìn chung nhất về phương pháp giáo dục Montessori ở phần 1, những công việc tại mỗi góc hoạt động trong môi trường lớp học Montessori ở phần 2, đề xuất một vài gợi ý và lưu ý cho giáo viên mầm non khi muốn ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori vào công tác giáo dục trẻ.

1. Phương pháp giáo dục Montessori

Phương pháp giáo dục Montessori là phương pháp sư phạm giáo dục trẻ em dựa trên nghiên cứu và kinh nghiệm của bác sĩ, nhà giáo dục Ý Maria Montessori (1870–1952). Montessori đã nghiên cứu

* ThS, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP HCM

xây dựng các phương pháp giáo dục đối với những trẻ từ 0-3 tuổi, từ 3-6 tuổi, từ 6-12 tuổi và từ 12-18 tuổi [8]. Thông qua sự quan sát tinh tế và nghiên cứu sâu rộng, Montessori phát hiện ra rằng trẻ có tiềm năng học tập và giai đoạn trưởng thành quan trọng nhất của trẻ là 0-6 tuổi [3]. Mỗi đứa trẻ sinh ra đều mang một năng lực tiềm tàng giúp chúng dễ dàng, nhanh chóng đón nhận môi trường xung quanh để phát triển bản thân. Năng lực đó, theo Montessori là “khả năng mẫn cảm và khả năng lĩnh hội”. Khả năng mẫn cảm tồn tại ở trẻ từ 0 tuổi đến 6 tuổi, giai đoạn này gọi là thời kì mẫn cảm. Trẻ ở giai đoạn này tràn đầy sức sống và hưng phấn trước mọi thứ, chúng học gì lập tức được tiếp thu ngay [4]. Trẻ tiếp thu thể giới xung quanh nhờ khả năng lĩnh hội giống như miếng bọt biển hút nước, do đó trong một vài tài liệu khác, khả năng lĩnh hội được gọi với thuật ngữ “trí tuệ thẩm thấu”, “trí tuệ thẩm thấu” hay “tâm trí tiếp nhận”. Ngoài sự phát hiện ở trẻ có thời kì mẫn cảm và khả năng lĩnh hội, Montessori còn phát hiện ra rằng trẻ hứng thú, tập trung thực hiện một công việc nhiều lần, trẻ tự tin hài lòng về bản thân sau khi hoàn thành công việc, trẻ cảm thấy hạnh phúc, vui sướng sau mỗi công việc do chính bản thân trẻ thực hiện, Montessori gọi đó là “normalization”. Nhiều tài liệu dịch “normalization” là “sự bình thường hóa”. Tuy nhiên, chúng tôi gọi đây là “quá trình ổn định hóa” ở trẻ vì nhận thấy trẻ đạt trạng thái ổn định trong tâm hồn sau khi làm việc với giáo cụ. Ngoài ra, khi làm việc với giáo cụ, trẻ còn học cách thể hiện sự quan tâm tới người khác, yêu cái đẹp, sự ngăn nắp trật

tự, tinh thần trách nhiệm. Trẻ trong lớp học Montessori sớm hình thành và bộc lộ tố chất của một nhà lãnh đạo.

Phương pháp giáo dục Montessori gồm hai yếu tố xây dựng trọng tâm. Thứ nhất là môi trường giáo dục gồm tài liệu giáo dục (giáo cụ) và sự luyện tập với tài liệu giáo dục (...). Montessori nhấn mạnh môi trường giáo dục là yếu tố xây dựng hàng đầu cho phương pháp giáo dục của bà. Theo bà, môi trường giáo dục là nơi giúp trẻ phát triển. Môi trường đó không chỉ thỏa mãn những nhu cầu của trẻ mà còn phải loại bỏ những chướng ngại vật làm cản trở sự phát triển của chúng [5]. Phương pháp giáo dục Montessori tạo môi trường tốt giúp trẻ có thể tự mình tìm tòi, khám phá cuộc sống, nhanh chóng thích ứng với môi trường xung quanh. Môi trường giáo dục mà Montessori xây dựng có nhiều điểm khác biệt với môi trường giáo dục truyền thống. Trong đó có 3 điểm khác biệt chính thể hiện cho 3 đặc trưng cơ bản của phương pháp này, là: việc học của trẻ thông qua sự trải nghiệm các giác quan, tôn trọng những đặc tính riêng biệt, đề cao tính độc lập của trẻ và sự trộn lẫn lứa tuổi trong lớp học.

Đặc trưng thứ nhất, trẻ trong lớp học Montessori học thông qua sự trải nghiệm các giác quan. Montessori xây dựng một môi trường giáo dục với hệ thống giáo cụ gồm các vật thật, mô hình cụ thể được sắp xếp vào các góc hoạt động trong lớp học Montessori. Trong môi trường lớp học Montessori, trẻ thỏa sức làm việc với các giáo cụ bằng cách trải nghiệm tất cả các giác quan như thị giác, thính giác, vị giác, khứu giác và xúc

giác. Thông qua những ấn tượng thu được từ các giác quan, trẻ dễ dàng lĩnh hội kiến thức nhân loại, những khái niệm trừu tượng, từ đó giúp trẻ phát triển ngôn ngữ, nhận thức và tư duy. Chẳng hạn, trẻ hiểu khái niệm “lịch sử” một cách dễ dàng khi làm việc với giáo cụ “đồng hồ cát” thuộc lĩnh vực lịch sử. Cùng với sự hướng dẫn của giáo viên và trực tiếp chứng kiến những hạt cát chảy xuống, trẻ hiểu “lịch sử” là những sự kiện đã xảy ra và tích dần theo thời gian như những hạt cát đọng lại phía dưới đồng hồ.

Đặc trưng thứ hai, phương pháp giáo dục Montessori luôn đề cao nét tính cách riêng biệt, sự độc lập của trẻ. Phương pháp này chấp nhận sự duy nhất của mỗi trẻ và cho phép trẻ phát triển tùy theo những khả năng riêng và thời gian riêng của mình [8]. Tính độc lập của trẻ hình thành từ môi trường lớp học được thiết kế đặc biệt. Montessori tin rằng trẻ được giáo dục một cách tự nhiên chứ không phải dựa vào sự can thiệp của giáo viên [6]. Do đó, trong lớp học Montessori, trẻ có quyền tự do lựa chọn công việc mà bản thân trẻ hứng thú. Trẻ thực hiện công việc theo nhịp độ, tiến độ của bản thân, trẻ có thể làm công việc trong thời gian dài mà không bị ngắt quãng giữa chừng. Trẻ tự đánh giá công việc của mình một cách khách quan thông qua hoạt động độc lập với giáo cụ. Trẻ tự biết bản thân đã làm đúng hay sai ở đâu vì giáo cụ Montessori có chức năng “giáo dục tự động”. Có nghĩa là khi trẻ làm sai, chính giáo cụ như “người thầy” sẽ “chỉ” cho trẻ thấy cái sai để trẻ tự điều chỉnh và tự hoàn thiện công việc của mình. Điều này giải thích vì sao chúng tôi sử dụng thuật

ngữ “giáo cụ Montessori” thay vì “học cụ” hay “học liệu”, ngay cả khi trẻ tự hoạt động với nó mà không có sự hướng dẫn của giáo viên.

Đặc trưng thứ ba, Montessori xây dựng môi trường giáo dục là những lớp học có sự trộn lẫn lứa tuổi. Đây là một xã hội “tự nhiên” có khoảng cách về lứa tuổi giữa các trẻ. Nếu như trong lớp học truyền thống, trẻ học theo nhóm cùng độ tuổi, việc học xuất phát từ những nhu cầu bên ngoài như thứ bậc, cạnh tranh... thì việc học của trẻ trong lớp học Montessori diễn ra tự nhiên, nhẹ nhàng. Trẻ tự chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau. Trẻ nhỏ hỏi trẻ lớn khi không biết hoặc chưa thành thục một công việc nào đó. Nhìn các anh chị làm được những công việc khó, tự bản thân trẻ sẽ nảy sinh mong muốn học hỏi để được như anh, chị. Còn anh, chị khi chỉ dẫn cho em sẽ có cơ hội được củng cố những điều đã học, thì cảm thấy tự tin hơn và những nét tính cách của một nhà lãnh đạo tương lai cũng dần được hình thành từ đó.

Mặc dù Montessori nhấn mạnh môi trường giáo dục là yếu tố xây dựng hàng đầu trong phương pháp của bà, tuy nhiên, trong phương pháp của bà không thể bỏ qua yếu tố xây dựng thứ hai là vai trò của giáo viên Montessori. Sau những nỗ lực tạo ra mọi thứ mà trẻ cần, giáo viên đóng vai trò người quan sát còn những đứa trẻ thì tự do hoạt động. Ngay cả khi trẻ làm sai thì giáo viên cũng để trẻ tự nhận ra và tự điều chỉnh lỗi sai của mình. Điều này khác hoàn toàn với cách giáo dục của các trường học bình thường, giáo viên thường đảm nhiệm vai trò chủ động còn những đứa trẻ ở vào vị trí bị động [4].

Montessori đã thay đổi khái niệm về giáo viên. Giáo viên không phải là người dạy trẻ mà là người tạo dựng môi trường, người hướng dẫn và người quan sát trẻ. Trong đó, Montessori đặc biệt chú trọng năng lực quan sát của giáo viên. Vai trò của giáo viên là giúp trẻ học tập tự do, và mỗi đứa trẻ đều có những nhu cầu khác nhau theo từng giai đoạn, do đó nếu giáo viên không biết hành động của trẻ đã thay đổi như thế nào thì giáo viên không thể thực hiện tốt mọi chức năng của mình [6]. Chính vì vậy, việc huấn luyện đào tạo giáo viên Montessori là công việc đòi hỏi phải thực hiện nghiêm túc. Muốn trở thành giáo viên Montessori, học viên phải tham gia các khóa học trong thời gian ít nhất sáu tháng để nắm rõ phương pháp luận Montessori, cách chuẩn bị, sử dụng giáo cụ và cách hướng dẫn, quan sát trẻ. Sau khóa học, học viên sẽ được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học “Đào tạo giáo viên Montessori” và có thể làm việc trong các trường Montessori. Các trung tâm đào tạo giáo viên Montessori có mặt ở hầu hết các quốc gia có ứng dụng phương pháp giáo dục này. Phần lớn các trung tâm đào tạo này chịu sự chi phối của hai tổ chức là Cộng đồng Montessori Mỹ (AMS) và Hiệp hội Montessori toàn cầu (AMI).

Trên đây, chúng tôi đã trình bày hai yếu tố xây dựng trọng tâm và 3 đặc trưng cơ bản của phương pháp giáo dục Montessori. Đứng với tinh thần Montessori là đề cao môi trường giáo dục, trong phần 2 của bài viết, chúng tôi tập trung trình bày về hệ thống giáo cụ cũng

như những công việc mà trẻ thực hiện với giáo cụ có tại mỗi góc hoạt động trong lớp học Montessori.

2. Các góc hoạt động trong lớp học Montessori

Hoạt động mà Montessori cho trẻ tiếp cận với các giáo cụ được gọi là “công việc”, còn những hoạt động mà trẻ chơi với các trò chơi trong cuộc sống hàng ngày gọi là “vui chơi”. Bà cho rằng, sự phát triển về tâm hồn và thể xác của trẻ hoàn toàn dựa vào “công việc”, mà không phải là “vui chơi”. Bà còn chỉ rõ, vui chơi chỉ khiến trẻ có những ảo tưởng không sát thực tế, không thể tạo nên sự nghiêm túc, thành thực, chuẩn xác, tinh thần trách nhiệm và thói quen giữ kỉ luật của trẻ, còn “công việc” thì lại có thể làm được điều đó [4]. Do vậy, bà đã thiết kế một môi trường đặc biệt vừa đảm bảo sự nghiêm túc, kỉ luật vừa đảm bảo sự tự do, hào hứng ở tất cả các trẻ.

Dưới đây là nội dung các công việc tại mỗi góc hoạt động trong lớp học Montessori. Có những công việc gắn liền với giáo cụ, do đó, đôi chỗ chúng tôi dùng tên giáo cụ thay cho công việc mà trẻ thực hiện.

2.1. Góc sinh hoạt (hay góc luyện tập các kĩ năng sinh hoạt) (xem hình 1)

Góc sinh hoạt bao gồm những công việc gắn gũi với sinh hoạt hàng ngày của trẻ. Trong góc này, trẻ thực hiện những công việc từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp để có thể tự phục vụ bản thân, thể hiện sự quan tâm tới người khác và biết cách chăm sóc môi trường sống xung quanh mình (xem hình 1a và 1b).



Hình 1a. Góc sinh hoạt [7]



Hình 1b. Thực hành khô và thực hành với nước

Những công việc trong góc sinh hoạt bao gồm:

2.1.1. Thực hành khô

- Chuyển vật: bằng tay, bằng các dụng cụ như: thìa, kẹp, kéo gấp, nhíp, đũa...;

- Cắm tăm;

- Kẹp áo;

- Nảy hạt;

- Đồ vật: từ li trong sang li trong, từ li trong sang li đặc, từ li đặc sang li đặc;

- Gấp: gấp khăn, gấp giấy, gấp khăn giấy;

- Quét: quét hạt đỗ, quét giấy, quét thảm, quét kệ đồ chơi, quét sàn;

- Dùng dây: xâu hạt, xâu hạt theo mẫu;

- Lau: lau đánh giày, lau đồ bạc, lau đồ đồng, lau đồ gỗ;

- Khâu: khâu (đơm) cúc, làm vòng tay;

- Khung áo: cài cúc tròn, cài phéc-mơ-tuya, khóa móc, gài dập dính, cài cúc bấm, gài kim băng, thắt nơ, buộc dây giày;

- Khuôn, bê: khuôn bàn, khuôn ghế, bê khay, bê hộp, mang thảm ra (gấp, mở thảm), đưa-nhận dao.

2.1.2. Thực hành với ít nước

- Chuyển nước: bằng nút, bằng ống

bóp lớn, bằng ống bóp nhỏ, bằng phễu, chuyển nước vào các bình chứa có hình dạng khác nhau;

- Đổ nước: từ li trong sang li trong, từ li trong sang li đặc, từ li đặc sang li đặc, đổ nước màu;

- Chìm, nổi;

- Tạo bọt xà phòng;

- Lau nước bị đổ;

- Đánh răng.

2.1.3. Thực hành với nhiều nước

- Rửa: tay, bát;

- Lau: bàn, ghế;

- Tắm cho búp bê;

- Giặt;

- Lau sàn;

- Cắm hoa;

- Tưới cây;

- Lau lá.

2.1.4. Ăn thực

- Cắt: bánh, chuối, cà rốt, táo, dưa chuột, trứng làm bánh quy kẹp trứng;

- Mài, nghiền: vụn bánh mì, cà phê, quế;

- Đập, bóc các loại hạt, quả có vỏ cứng: đậu phộng, hạt dẻ, trứng luộc...;

- Vắt cam;

- Bóc vỏ cam.

2.2. Góc cảm giác (hay góc luyện tập)

giác quan) (xem hình 2)

Trong góc cảm giác, trẻ không những được củng cố, hệ thống lại những cảm giác, tri giác đã được hình thành, luyện tập ở góc sinh hoạt mà trẻ còn được hình thành năng lực đặc biệt có thể giúp trẻ thực hiện những công việc giàu tính sáng tạo sau này. Đầu tiên, trẻ sẽ được tiếp xúc trực tiếp với các vật thật, vật cụ thể sau đó chuyển sang thực hiện những công việc trên tranh, giấy (thẻ hình, thẻ tên...). Giáo cụ trong góc cảm giác được phân loại theo mục đích luyện tập, phát triển từng giác quan riêng biệt: giáo cụ giúp trẻ phát triển thị giác, xúc giác, khứu giác, thính giác và vị giác. Mặc dù có sự phân loại như vậy nhưng hầu như trong tất cả các giáo cụ đều có chức năng phát triển thị giác và xúc giác. Giáo cụ trong góc cảm giác được sắp xếp vào 4 kệ, có thể linh hoạt thay đổi tùy theo điều kiện lớp học. Dù có thể thay đổi nhưng việc trang bị và sắp xếp giáo

cụ luôn phải tuân theo nguyên tắc chung là sắp xếp từ dễ đến khó, từ to đến nhỏ, từ đơn giản đến phức tạp, từ trái sang phải và từ trên xuống dưới.

2.2.1. Kệ thứ nhất

Kệ này còn có tên gọi là kệ chuyển tiếp gồm các giáo cụ chuyển giao giữa hai góc sinh hoạt và góc cảm giác nhằm giúp trẻ phát triển khả năng phân biệt giống, khác nhau thông qua công việc “tìm cặp đôi” (hình 2a), “phân loại” (hình 2b)...Trẻ nhận biết vật, tranh ảnh bằng thị giác, xúc giác, tìm hình dạng các vật, đặt hình theo quy tắc. Trẻ tìm đúng vị trí của vật thông qua hoạt động với bảng ghép hình, trẻ phân biệt dày mỏng, cao thấp, to nhỏ thông qua giáo cụ hình ghép có núm cầm. Việc luyện tập với những giáo cụ ở kệ thứ nhất chính là tiền đề để trẻ thực hiện tốt những công việc ở những kệ tiếp theo trong góc cảm giác nhằm giúp trẻ phát triển khả năng tri giác không gian.

**2a. Tìm cặp đôi****2b. Phân loại**



2c. Đối chiếu vật thật



2d. Mô hình cụ thể với hình ảnh

Hình 2. Một vài công việc ở kệ thứ nhất của Góc cảm giác

2.2.2. Kệ thứ hai (xem hình 3)

Kệ thứ hai gồm những giáo cụ giúp trẻ phát triển khả năng tri giác không gian, trẻ làm quen với các khái niệm về độ lớn, chiều cao, chiều dài, độ dày, mỏng...



Hình 3. Một số hình ảnh ở kệ thứ hai của Góc cảm giác

Công việc với các giáo cụ trong kệ thứ hai của góc cảm giác bao gồm:

- Tháp hồng: là tháp được tạo nên bởi 10 khối gỗ màu hồng có kích thước khác nhau, giáo cụ này giúp trẻ nhận biết khái niệm to, nhỏ;

- Bậc thang nâu: còn gọi là bậc thang rộng, gồm 10 khối gỗ màu nâu có kích thước khác nhau. Giáo cụ này giúp trẻ làm quen với khái niệm rộng-hẹp, dày-mỏng;

- Gậy đỏ: là giáo cụ gồm 10 thanh gậy màu đỏ có chiều dài khác nhau, giúp trẻ nhận biết ngắn-dài và tạo tiền đề để trẻ làm việc với gậy số trong góc toán;

- Trụ núp 1: Gồm 10 trụ có chiều cao và đường kính khác nhau giúp trẻ nhận biết, củng cố về to-nhỏ;

- Trụ núp 2: gồm 10 trụ có chiều cao giống nhau, đường kính giảm dần giúp trẻ nhận biết, củng cố về độ dày-mỏng;

- Trụ núp 3: gồm 10 trụ có chiều cao cao dần, đường kính giảm dần. Trẻ nhận biết khái niệm rộng, hẹp;

- Trụ núp 4: Gồm 10 trụ có chiều cao thấp dần, đường kính như nhau. Trẻ nhận biết khái niệm cao, thấp;

- Trụ màu: về kích thước, hình dạng giống như trụ núp nhưng khác là có màu và không có núp:

- Trụ màu vàng: kích thước chức năng giống trụ núp 1;

- Trụ màu đỏ: kích thước chức năng giống trụ núp 2;

- Trụ màu xanh lá: kích thước chức năng giống trụ núp 3;

- Trụ màu xanh lam: kích thước chức năng giống trụ núm 4.

2.2.3. Kệ thứ ba (xem hình 4)



Hình 4. Một số hình ảnh ở kệ thứ ba của Góc cảm giác

Công việc với các giáo cụ trong kệ thứ ba của góc cảm giác bao gồm:

- Các khối hình học: khối cầu, lập phương, chóp nón, ovan, hình trứng, trụ tròn, lăng trụ tam giác đều, trụ vuông, chóp tam giác đều, chóp vuông. Sau khi làm việc với các khối hình học, trẻ sẽ được làm việc với các mặt của các hình khối được làm từ mảnh gỗ;

- Ngăn kéo các hình học phẳng (6 ngăn kéo): hình tròn, hình tam giác, hình tứ giác, hình cong, hình đa giác, các dạng hình khác;

- Bảng màu 1: đỏ, vàng, xanh (3 màu cơ bản);

- Bảng màu 2: đỏ, vàng, xanh, cam, xanh lá, tím – 6 màu (hỗn hợp màu);

- Bảng màu 3: đỏ, vàng, xanh, cam, xanh lá, tím, hồng, nâu, xám, đen, trắng. Giúp trẻ nhận biết sắc độ;

- Đẳng thức:

- Nhị thức 1: giúp trẻ hiểu về phân số (1 thành 2, thành 4, thành 8...);

- Đẳng thức bậc 2: giúp trẻ hiểu hằng đẳng thức $(a+b)^2$ bằng cách tạo cặp giáo cụ đỏ, xanh, đen có cùng bề rộng cùng

Gồm những giáo cụ về màu sắc, đẳng thức, các khối hình và các hình hình học.

chiều cao.

- Đẳng thức bậc 3: giúp trẻ hiểu hằng đẳng thức $(a+b+c)^3$ bằng cách tìm cặp giáo cụ giống nhau về màu, về độ cao, về bề rộng.

- Hộp hình học:

- Hộp hình tam giác: gồm các mảnh gỗ hình tam giác có màu xám, xanh lá, vàng, đỏ. Tạo ra các hình tam giác khác nhau từ những hình tam giác trên theo đường viền màu đen;

- Hộp hình lục giác lớn: gồm các hình tam giác có màu vàng, đỏ, ghép các hình tam giác tạo thành tam giác lớn, hình thoi, hình bình hành, hình lục giác...;

- Hộp hình lục giác nhỏ: gồm các hình tam giác kích thước khác nhau có màu xám, xanh lá, đỏ, vàng. Từ những hình tam giác này tạo thành hình thang, hình thoi, hình lục giác...;

- Hộp tứ giác tổng hợp: gồm các hình tam giác các loại có màu xanh lá, vàng, đỏ, xám. Tạo thành hình vuông, chữ nhật, thoi, bình hành... từ các hình tam giác;

- Hộp chữ nhật (màu xanh): gồm 5 mảnh gỗ hình tam giác màu xanh, không có viền đen. Tạo ra các hình khác nhau theo ý thích từ 5 hình tam giác;

- Hộp màu xanh 12 mảnh: gồm 12 hình tam giác màu xanh, xếp được các loại hình khác nhau như hình vuông, lục

giác, hình đa giác 12 cạnh... từ 12 hình tam giác.

2.2.4. *Kệ thứ tư (xem hình 5)*

Gồm các giáo cụ giúp trẻ luyện tập giác quan phát triển thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác, thị giác.



Hình 5. *Kệ thứ tư của Góc cảm giác*

Công việc với các giáo cụ trong kệ thứ tư của góc cảm giác bao gồm:

- Hộp luyện thính giác: 6 ống tròn màu đỏ (mỗi ống có âm thanh khác nhau), 6 ống tròn màu xanh (mỗi ống có âm thanh khác nhau nhưng có cặp với âm thanh trong 6 ống màu đỏ);

- 1 bộ chuông;
- Bảng luyện tập xúc giác 1,2,3,4: ráp, nhấn; dần dần có chia độ ráp như ráp nhiều, ráp vừa phải, ráp ít... Hay nhấn nhiều, nhấn vừa phải, nhấn ít;

- Túi bí mật;
- Đồi chiếu tìm cặp vải;
- Bộ lọ phát triển khứu giác: Tìm cặp các loại hạt, bột, chất lỏng có hương như quế, cà phê, mè, giấm...;

- Bộ lọ phát triển vị giác: Tìm cặp các loại nguyên liệu như muối, đường, giấm, nước...

2.3. *Góc ngôn ngữ (xem hình 6)*

Ngôn ngữ hiện diện ở tất cả các góc của lớp học Montessori. Ở góc sinh hoạt thông qua việc cảm thìa, trẻ được tập cách cầm bút chì, những công việc như nạy hạt, đổ vật, đổ nước... giúp trẻ phát triển tai nghe tạo tiền đề phát triển khả năng nghe, hiểu sau này. Ở góc luyện tập giác quan, mỗi giáo cụ đều có các thẻ tên tương ứng giúp trẻ biết tên gọi từng giáo cụ từ đó giúp trẻ phát triển vốn từ. Cũng trong góc này trẻ sử dụng những từ vựng về so sánh hơn kém, so sánh nhất như to, nhỏ, to hơn, nhỏ hơn, to nhất, nhỏ nhất... những từ vựng như ngọt, đắng, chua, thơm, bùi, lạnh, ấm, nhám, mềm, từ chỉ màu sắc, hình dạng... được trẻ lĩnh hội và củng cố thông qua việc luyện tập năm giác quan. Chỉ trong một góc, trẻ đã có rất nhiều cơ hội được lĩnh hội, sử dụng ngôn ngữ. Tiếp đó là góc toán, ngôn ngữ, văn hóa... không thể kể hết, đếm hết cơ

hội trẻ được lĩnh hội, phát triển số lượng từ vựng và cơ hội sử dụng chúng. Nhờ vậy, những trẻ học ở trường Montessori có khả năng sử dụng đa dạng, phong phú vốn từ vựng trong những lĩnh vực khác nhau. Trước khi được thao tác thực hành tại góc ngôn ngữ, trẻ đã được làm quen với nhiều từ vựng thông qua các vật cụ

thể, so sánh về kích thước, hiểu về phương hướng nên trẻ có thể dễ dàng nhận ra và phân biệt những chi tiết nhỏ của chữ viết. Trẻ cũng phân biệt được những chữ giống nhau, những chữ khác nhau thông qua công việc hay trò chơi xếp tiếp hình theo quy tắc, hình dạng nhất định.



Hình 6. Một số hình ảnh của Góc ngôn ngữ

Công việc với các giáo cụ trong góc ngôn ngữ bao gồm:

- So tranh lớn, nhỏ;
- Nhận biết phương hướng (theo học cụ quy định rõ về phương hướng);
- Tìm bóng của hình;
- Thẻ hình theo quy tắc;
- Thẻ hình ba bước;
- Đối chiếu thẻ chữ;
- Hộp tên gọi (hộp âm thanh): 5~6 vật trong mỗi hộp có tên bắt đầu bằng các phụ âm trong bảng chữ cái;
- Từ ghép vần đầu tiên: từ ghép giữa phụ âm với nguyên âm a. Từ ba ~ va, và tranh ảnh;
 - Chữ cát: phụ âm, nguyên âm bằng giấy nhám, hồ, bút chì màu, bút chì, giấy;
 - Chữ gạo: khung viết chữ gạo, gạo, thẻ chữ cái;
 - Tập hợp chữ cái: phim phụ âm, nguyên âm, bảng tập hợp, bút chì, giấy,

bút chì màu (đỏ, xanh);

- Khung các loại hình dạng bằng kim loại (cái đỡ bút chì, giá đỡ, bút chì màu, giấy...);
- Nhóm hình tròn: 5 cái;
- Các loại hình khác nhau: 5 cái;
- Từ đồng âm khác nghĩa (chữ cái giống nhau nhưng hình vẽ khác nhau) ví dụ mực, đường...;
- Từ ghép: bản đáp án, thẻ hình đối chiếu;
- Giống cái, giống đực, giống trung: bản đáp án, thẻ đối chiếu;
- Từ tượng thanh: bản đáp án, thẻ đối chiếu;
- Từ tượng hình: bản đáp án, thẻ đối chiếu;
- Từ tôn kính: bản đáp án, thẻ đối chiếu;
- Ngữ pháp: thẻ từ theo kí hiệu màu sắc: danh từ, động từ, tính từ, trợ từ, bổ

ngữ, từ liên kết, thán từ...;

- Kí hiệu trong câu: dấu chấm, dấu phẩy, dấu hỏi, dấu chấm than...;

- Cấu tạo câu;
- Đọc câu;
- Viết truyện;
- Viết thơ.

2.4. Góc toán (xem hình 7)

Trẻ có thể hiểu các biểu tượng toán, khái niệm về lượng trong toán thông qua

các hoạt động với giáo cụ trong góc toán của lớp học Montessori. Qua đó, trẻ hiểu được nguyên lí cơ bản của toán và thực hiện được những phép tính một cách dễ dàng. Ngoài ra, khi làm việc với các giáo cụ trong góc toán, trẻ phát triển khả năng tư duy, suy luận, trẻ hiểu rõ một quá trình thông qua việc lặp đi lặp lại một công việc.



Hình 7. Góc toán

Công việc với các giáo cụ trong góc toán bao gồm:

- Gậy số 1,2,3;
- Gậy số + thẻ số;
- Chữ số bằng cát 1,2,3;
- Bài học về số 0;
- Bài học về số 10;
- Gậy số + chữ số bằng cát;
- Hộp đĩa 1,2,3;
- Bảng cờ vây chữ số (bảng đáp án);
- Quân cờ vây chữ số;
- Số chẵn, số lẻ;
- Bảng cờ vây chữ số (bảng giấy);
- Trò chơi ghi nhớ;
- Làm chuỗi hạt màu;
- 10 chuỗi hạt màu;
- Bảng số 10, 100;
- Hệ thập phân;

2.5. Góc văn hóa

Góc văn hóa gồm những công việc với các giáo cụ thuộc 3 lĩnh vực: lịch sử, địa lí, khoa học. Ở góc văn hóa, trẻ tiếp xúc trực tiếp với những vật cụ thể, mô hình sống động liên quan đến các lĩnh vực lịch sử, địa lí, khoa học, từ đó trẻ hiểu những khái niệm trừu tượng trong từng lĩnh vực. Những công việc với các giáo cụ trong góc văn hóa khơi gợi ở trẻ niềm đam mê, cảm hứng tích cực với việc khám phá khoa học, tìm hiểu môi trường xung quanh. Giáo cụ trong góc văn hóa được sắp xếp thành từng lĩnh vực lịch sử, địa lí, khoa học như sau:

2.5.1. Lịch sử

Khái niệm lịch sử gắn liền với khái niệm thời gian. Trẻ được làm việc với các giáo cụ liên quan đến thời gian như các

loại đồng hồ, lịch... Trẻ dễ dàng biết cách tính thời gian cho một giờ, 1 ngày, 1 tuần... 1 đời người, 1 thời đại cũng như biết được những sự việc đã xảy ra gắn liền với mỗi khoảng thời gian đó.

Công việc với các giáo cụ thuộc lĩnh vực lịch sử bao gồm:

- Đồng hồ cát;
- Đồng hồ một kim (kim giờ);
- Đồng hồ hai kim (kim giờ, kim phút);
- Đồng hồ bằng vải nỉ: nỉ đỏ, 12 miếng vải nền (nỉ đen), số màu đỏ, đồng hồ đáp án;
- Thẻ đồng hồ;
- Đóng dấu đồng hồ (giờ): thẻ, bút chì màu, thẻ đáp án – 12 giờ, 30 phút, 15 phút, 45 phút;
- Làm đồng hồ của tôi: giấy màu, kéo, hồ, giấy, số từ 1~12, ghim có chân, đồng hồ đáp án;
- Một ngày của tôi: thẻ đáp án một ngày của tôi, thẻ đối chiếu, giấy, bút chì;
- Một tuần: giáo cụ một tuần, thẻ đối chiếu, nơ, hồ;
- Một tháng: giáo cụ một tháng, thẻ đối chiếu
- Làm lịch: giấy có kẻ hơn 30 ô, tranh vẽ, bút chì, lịch đáp án;



8a. Vẽ các châu lục

- Một năm: thẻ chữ 12 tháng;
- Bốn mùa: những vật thể đặc trưng cho bốn mùa, thẻ ảnh, thẻ hình các hoạt động đặc trưng cho từng mùa;
- Mốc cuộc đời con người (time line): ảnh các mốc chính 1~10 tuổi, 10~90 tuổi;
- Búp bê, con rối đặc trưng cho hình ảnh đất nước (trang phục);
- Những vật dụng đặc trưng cho hình ảnh đất nước;
- Trò chơi truyền thống (thẻ hình);
- So sánh thời hiện đại và thời xa xưa (cổ đại): vật thật, vật mô phỏng, thẻ hình;
- Văn hóa các nước trên thế giới (con người, trang phục, công trình kiến trúc, thức ăn);
- Trang phục cổ xưa;
- Những phát hiện thuộc lĩnh vực khảo cổ học: chum vại, vật thể mô phỏng những vật được khai quật dưới lòng đất.

2.5.2. Địa lí (xem hình 8)

Hình dạng, đặc điểm, vị trí, tên gọi các châu lục, các dạng địa hình đất, nước... được trẻ lĩnh hội một cách dễ dàng khi làm việc với các giáo cụ sinh động thuộc lĩnh vực địa lí, một phần của góc văn hóa.



8b. Làm các dạng địa hình

Hình 8. Trẻ thực hiện công việc thuộc lĩnh vực địa lí trong lớp học Montessori [nguồn internet]

Công việc trẻ thực việc với các giáo cụ thuộc lĩnh vực địa lí gồm có:

- Nhận biết về phương hướng: Đông Tây, Nam, Bắc, sợi dây đỏ, la bàn;
- Nước, đất, không khí: ống nghiệm, đất, nước, thẻ chữ;
- Quả địa cầu cát;
- Quả địa cầu màu phân biệt các vùng đất liền;
- Bản đồ cát;
- Ghép hình bản đồ thế giới: bản đồ đáp án, thẻ chữ;
- Quả cam vàng: có thể thay bằng quả quýt, dao, khay;
- Bán cầu Đông: mảnh ghép những châu lục thuộc bán cầu Đông, thẻ chữ (châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Úc);
- Bán cầu Tây: mảnh ghép những lục địa thuộc bán cầu Tây, thẻ chữ (lục địa Bắc Mỹ, lục địa Nam Mỹ);
- Làm sách bản đồ thể hiện các vùng đất liền: mảnh ghép các lục địa, kéo, bút chì,

giấy màu, kim chọc giấy, thảm nhỏ, hồ;

- Động vật, con người, công trình kiến trúc, thức ăn từng lục địa;
- Quốc kì các nước;
- Ghép quốc kì: mảnh ghép, thẻ hình, giấy;
- Hiểu biết về nơi tôi sống: khu phố của tôi, những công trình kiến trúc quan trọng, những nơi công cộng;
- Nhận biết về địa hình: đảo, hồ, vịnh, bán đảo, địa hình, mô hình eo biển, nước, mút;
- Làm các địa hình: làm địa hình 1: cát, khung, cốc, hồ chứa nước, rây (vợt nước); làm địa hình 2: làm sách – giấy màu xanh, nâu, kéo, hồ, bút chì; cấu tạo các tầng địa chất: các tầng địa chất, sách, thẻ chữ, giấy.

2.5.3. Khoa học (xem hình 9)



Hình 9. Một số hình ảnh về lĩnh vực khoa học trong Góc văn hóa

Niềm đam mê khoa học ở trẻ được hình thành từ những hoạt động tự do với các giáo cụ đặc trưng cho lĩnh vực khoa học. Những giáo cụ trực quan về thế giới sinh vật sống động, vũ trụ bao la luôn lôi cuốn trẻ tìm tòi, khám phá. Những giáo

cụ đó được sắp xếp vào hai kệ trong góc văn hóa như sau:

- **Kệ thứ nhất**
 - Kính vạn hoa (lăng trụ);
 - Kính lúp: kính lúp, vật quan sát;
 - Phân biệt vật có từ tính và không có

từ tính: nam châm, những vật bị nam châm hút và không bị nam châm hút;

- Phân biệt thể khí, rắn, lỏng: ống nghiệm, vật mô phỏng, nước, khay, nút;

- Ba hình thái của đá: các loại đá như đá trầm tích, đá biến chất, đá núi lửa...;

- Các loại đá khác nhau;

- Phân biệt sinh vật, và vật không phải là sinh vật: vật mô phỏng, vải nỉ 2 màu khác nhau để phân biệt;

- Động vật, thực vật: vật cụ thể hoặc vật mô phỏng, vải nỉ;

- Động vật, thực vật, khoáng vật: vật cụ thể hoặc vật mô phỏng, vải nỉ 3 màu;

- Hóa thạch: vật cụ thể hoặc vật mô phỏng, vải nỉ;

- Ghép hình cây: bảng ghép hình cây, thẻ hình đối chiếu, bút chì;

- Ghép hình hoa: bảng ghép hình hoa, thẻ hình đối chiếu, bút chì;

- Ghép hình hạt: bảng ghép hình hạt, thẻ hình đối chiếu, bút chì;

- Các bộ phận cơ thể người: cơ thể người, thẻ chữ, thẻ hình đối chiếu;

- Xương: cơ thể người, thẻ chữ, thẻ hình đối chiếu.

- **Kệ thứ hai**

- Động vật sống dưới biển, đất liền;

- Vật nuôi trong nhà, động vật trong rừng;

- Vương quốc động vật: các loại động vật và thẻ chữ, thẻ hình. Động vật có xương sống: động vật có vú, gia cầm, các loại cá, các loài bò sát, động vật lưỡng cư. Động vật không có xương sống: các loài giáp xác, các loài thân mềm.

- Xương động vật: thẻ hình;

- Sự thay đổi của trăng: thẻ hình,

hình đáp án;

- Hệ thái dương: hệ thái dương, vải nỉ, thẻ chữ, giấy;

- Vị trí các sao: thẻ hình vị trí các sao;

- Cân;

- Núi lửa: mô hình núi lửa, giấm, bột sô đa, phẩm màu, nút, khay.

Trên đây, chúng tôi sơ lược những công việc trẻ thực hiện tại các góc hoạt động trong lớp học Montessori. Với danh sách công việc như trên, có thể thấy Montessori chú trọng tới môi trường giáo dục như thế nào.

3. Kết luận

Nhìn chung, một “Ngôi nhà của trẻ” giống như Montessori xây dựng có lẽ là mong muốn chung của những nhà giáo dục theo đuổi quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Tuy nhiên, vấn đề mà hầu hết các nhà giáo dục lo ngại khi nghiên cứu ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori là nguồn tài chính cần để đầu tư trọn bộ giáo cụ Montessori và việc đào tạo giáo viên Montessori giỏi chuyên môn. Do đó, trong giới hạn bài viết này, chúng tôi chỉ giới thiệu một mô hình giáo dục có cùng quan điểm giáo dục với chương trình GDMN hiện nay ở nước ta và đã thành công tại nhiều nước trên thế giới, nhằm khẳng định quan điểm mà chúng ta đã chọn là tiên bộ, là hiện đại và phù hợp với xu hướng của thế giới, mà không đi sâu hơn về vấn đề tài chính hay quy trình đào tạo giáo viên Montessori. Bên cạnh đó, với những thông tin mà bài viết mang lại, hi vọng sẽ giúp ích cho các nhà sư phạm, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên có thể phần nào ứng dụng cách xây

dựng môi trường lớp học Montessori phù hợp với điều kiện thực tế nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục tại các trường mầm non ở Việt Nam.

Theo chúng tôi, điều quan trọng hơn cả những bộ giáo cụ Montessori đó là tinh thần, thông điệp mà Maria Montessori để lại là “người lớn nên nghiêm túc đối xử với trẻ như một con người “trưởng thành” đúng nghĩa” [4].

4. Ý kiến đề xuất

Giáo viên có thể xây dựng trong lớp học do mình phụ trách một góc kĩ năng sống với những công việc như đã nêu trong góc sinh hoạt của lớp học Montessori: làm việc với các loại khung áo, quét hạt, quét giấy, đổ, rót nước... để trẻ có thể tự do thực hiện trong giờ chơi. Giáo viên cũng có thể tổ chức cho trẻ sử dụng các dụng cụ có trong sinh hoạt hàng ngày như dụng cụ vắt cam, dùng dao tự

cắt bánh, trái cây cho mình dùng trong bữa ăn nhẹ...

Một gợi ý khác cho giáo viên mầm non muốn vận dụng phương pháp Montessori về lĩnh vực mang tính học thuật như địa lí. Thay vì những công việc khám phá các châu lục trên thế giới, giáo viên có thể tạo môi trường cho trẻ khám phá về các vùng miền, ẩm thực, khí hậu, trang phục đặc trưng của mỗi dân tộc cũng như các dạng địa hình của đất nước Việt Nam. Điều này không chỉ giúp trẻ phát triển nhận thức về lĩnh vực địa lí mà còn giúp trẻ biết yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam. Để làm được điều đó, giáo viên mầm non không chỉ biết tạo dựng môi trường, luyện tập để phát triển khả năng quan sát mà còn phải khắc phục những nhược điểm thường gặp như: áp đặt lên trẻ, thiếu sự tin tưởng vào trẻ, nóng vội sửa sai cho trẻ...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Chương trình Giáo dục Mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Hòa (2009), *Giáo dục học Mầm non*, Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
3. Ngô Hiểu Huy (2013), *Phương pháp giáo dục Montessori* (Thành Trung dịch), Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
4. Maria Montessori (2008), *Dạy con trước tuổi lên 3* (Việt Văn Book dịch), Nxb Lao động, Hà Nội.
5. 릴라드 (1998), *몬테소리교육에 대한 현대적 접근법* (조선희 역), 도서출판 학문사, 서울.
6. 몬테소리 (1983), *몬테소리 교구의 이론과 실제* (허영림 역), 도서출판 창지사, 서울.
7. <http://www.justmontessori.com/index.php/practical-life/>
8. http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C6%B0%C6%A1ng_ph%C3%A1p_Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c_Montessori

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 13-3-2014; ngày phản biện đánh giá: 15-3-2014;

ngày chấp nhận đăng: 08-4-2014)